

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Năm báo cáo: 2019**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0200493225 do Sở KH&ĐT thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/6/2013 (thay đổi lần 6).
- Vốn điều lệ: 5.000 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 6.199,19 tỷ đồng
- Địa chỉ: Thôn Đoàn, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0225. 3775.161.
- Fax: 0225.3775.162.
- Website: <http://www.ndhp.com.vn>.
- Mã cổ phiếu: HND.

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Thực hiện chủ trương thay đổi cơ chế quản lý kinh tế của các công ty, doanh nghiệp Nhà nước, trong đó có các công ty phát điện. Ngày 30/7/2002, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 129/TB-VPCP nêu ý kiến của Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cho phép thành lập Công ty cổ phần có vốn của doanh nghiệp Nhà nước để đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng.
- Tháng 9/2002, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản, Tổng Công ty Bảo Việt, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và Tổng Công ty XNK Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) đã đi đến thống nhất thành lập Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng để đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện.
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập ngày 17/9/2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Theo đó, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng hoạt động theo Luật Doanh nghiệp gồm 05 cổ đông sáng lập, với tổng vốn điều lệ là 3.000 tỷ đồng của các đơn vị góp vốn:
 - + Tập đoàn Điện lực Việt Nam: 77,5%
 - + Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam: 10%
 - + Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam: 2,5%
 - + Tổng Công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam (Vinaconex): 5%

- + Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama): 5%
- Thực hiện tổng sơ đồ phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2001 – 2010 (Quy hoạch điện V), bù đắp sự thiếu hụt công suất của hệ thống điện tại khu vực phía Bắc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được Thủ tướng Chính phủ giao làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng theo Quyết định số 1186/QĐ-TTg ngày 13/12/2002, đồng thời, Công ty tiếp tục được Thủ tướng giao làm chủ đầu tư Dự án Nhiệt điện Hải Phòng 2 theo Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 09/11/2005.
- Để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2, ngày 09/01/2008, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được tổ chức tại Hà Nội đã thông qua việc tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:
 - + Vốn điều lệ đã đăng ký: 3.000.000.000.000 đồng
 - + Vốn điều lệ thay đổi: 5.000.000.000.000 đồng
 - + Thời điểm thay đổi vốn: Tháng 2/2008
 - + Mục đích thay đổi vốn: Để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2.
 - + Hình thức tăng vốn: Các cổ đông góp vốn bổ sung.
- Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 138/TTg-ĐMDN ngày 03/02/2012 về việc thành lập các Tổng công ty phát điện trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, ngày 01/6/2012 Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 3024/QĐ-BCT về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 2 (EVNGENCO 2). Theo đó, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là doanh nghiệp do EVNGENCO 2 nắm giữ 51% vốn điều lệ.
- Hiện nay, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng trở thành Công ty đại chúng được UBCKNN chấp thuận tại văn bản số 716/UB-QLPH ngày 24/02/2014.
- Ngày 05/10/2016, Cổ phiếu của Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng chính thức giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom với mã cổ phiếu HND.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- a. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
Chi tiết: Sản xuất điện; truyền tải và phân phối điện.
- b. Xây dựng công trình công ích.
Chi tiết: Thi công, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo đường dây và trạm biến áp đến 220KV.
- c. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy nhiệt điện.
- d. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- e. Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng miếng).
- f. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).

- g. Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- h. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Chi tiết: Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện.

- i. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.

- j. Sửa chữa máy móc, thiết bị.
- k. Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học.
- l. Sửa chữa thiết bị điện.
- m. Giáo dục nghề nghiệp.

Chi tiết: Đào tạo dạy nghề quản lý thiết bị, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

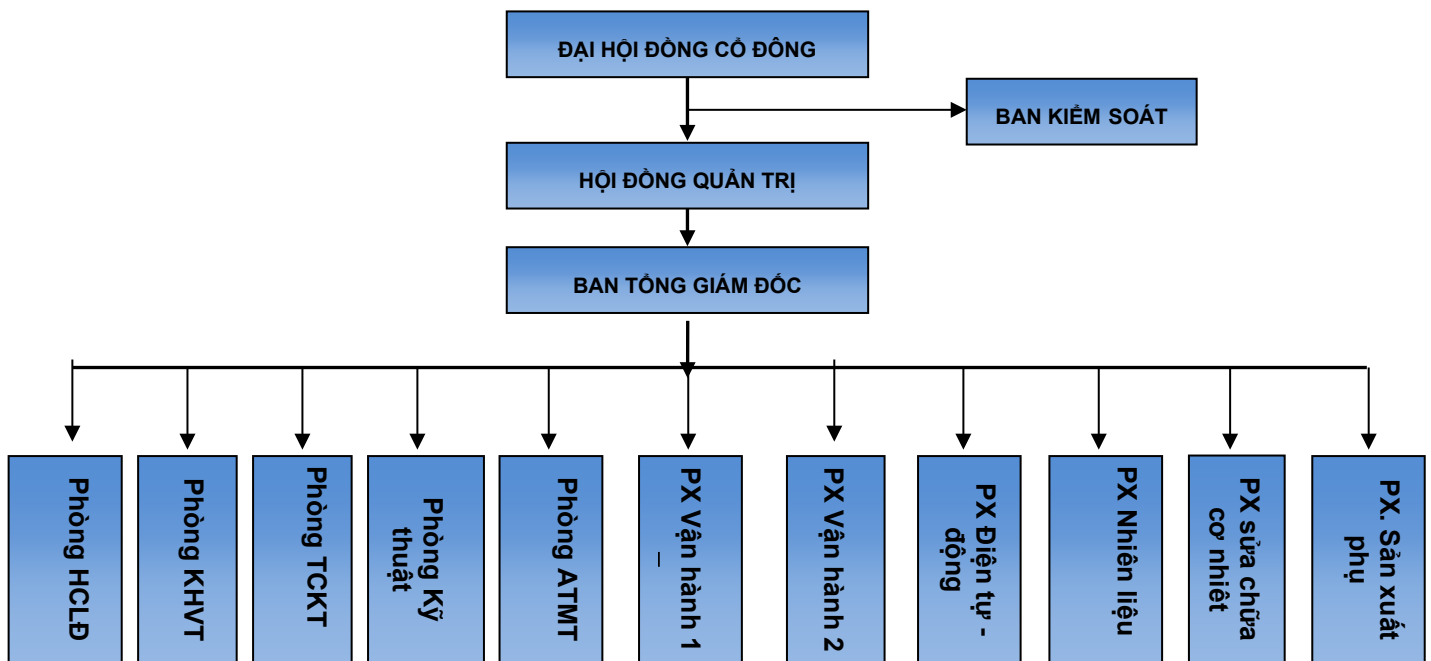
- Cơ cấu tổ chức theo cấp quản lý:



Ngày 28/12/2012, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã có Biên bản bàn giao điều hành cho EVNGENCO 2. Theo đó, từ ngày 01/01/2013, EVNGENCO 2 có quyền điều hành đối với các đơn vị trực thuộc, các công ty con, công ty liên kết thuộc EVNGENCO 2, trong đó có Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

- Một số thông tin giới thiệu về Tổng Công ty Phát điện 2:
 - + Tên gọi tiếng Việt: Tổng Công ty Phát điện 2.
 - + Tên giao dịch tiếng Anh: POWER GENERATION CORPORATION 2.
 - + Tên viết tắt bằng tiếng Anh: EVNGENCO 2.
 - + Vốn điều lệ: 10.677 tỷ đồng.
 - + Trụ sở chính: Số 01 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
 - + Giấy Chứng nhận ĐKKD số 1800590430 do Sở KH&ĐT TP.Cần Thơ cấp ngày 19/11/2012.
- Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình công ty Cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý đến ngày 31/12/2019:



- Công ty liên kết: Công ty đã tổ chức bán đấu giá công khai cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/7/2017. Số cổ phần bán đấu giá thành công là 450.000/500.000 cổ phần.

5. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn, liên tục và hiệu quả, cung ứng điện cho nền kinh tế hàng năm từ 6-7,5 tỷ kWh.
- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông.
- Đầu tư, nâng cao chất lượng cải thiện môi trường, hướng tới sự phát triển bền vững.
- Nâng cao đời sống vật chất, văn hoá tinh thần cho người lao động.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Duy trì các tổ máy phát điện an toàn, hiệu quả và đảm bảo môi trường.
- Sửa chữa, bảo dưỡng nhằm duy trì phát điện ổn định các tổ máy.
- Đảm bảo cổ tức cho các cổ đông.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp hiện đại.
- Xây dựng các định mức chi phí, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật.
- Tiết kiệm chi phí.

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng cải thiện môi trường, đảm bảo môi trường thân thiện.
- Tham gia và ủng hộ tích cực các hoạt động của xã hội của cộng đồng.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro cạnh tranh phát điện trên thị trường điện, giữa các nhà máy nhiệt điện với Nhiệt điện, giữa các nhà máy nhiệt điện với thủy điện.
- Rủi ro chênh lệch tỷ giá do hiện nay trong giá điện vẫn chưa được tính chi phí chênh lệch tỷ giá, dẫn đến vẫn phải trích bù chênh lệch tỷ giá.
- Các vật tư sửa chữa chủ yếu vẫn phải nhập khẩu do vậy tác động tỷ giá tăng ảnh hưởng đến chi phí.
- Cung ứng than của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Đông Bắc căng thẳng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2019 trong SXKD đã gặp phải sự thiếu hụt về nguồn cung cấp than trong khi hệ thống huy động cao các Nhà máy nhiệt điện.

Mặc dù vậy, Công ty đã vận hành ổn định hai nhà máy, theo đó sản lượng điện sản xuất hai nhà máy đạt 6,966 tỷ kWh, đạt 99% kế hoạch giao. Lũy kế sản lượng điện phát của Công ty đến hết 31/3/2019 là khoảng 45,66 tỷ kWh.

Doanh thu đạt 111% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế 1.242 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 1.172,7 tỷ đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % so KH
1. SLĐ sản xuất (tr.kW)	6.966,74	7.782,54	8.102,40	104%
2. SLĐ thương phẩm (tr.kW)	6.326,71	7.062,76	7.378,66	104%
4. Tổng doanh thu	9.554.036	10.191.878	11.342.070	111%
- Doanh thu SXKD điện (tr.đồng)	9.526.837	10.169.878	11.301.250	111%
- Doanh thu Hoạt động tài chính (tr. đồng)	23.994	10.000	33.792	338%
- Doanh thu khác (tr. đồng)	3.205	12.000	7.028	59%
5. Tổng chi phí (tr. đồng)	9.104.932	9.831.912	10.099.860	103%
- Chi phí SXKD điện (tr.đồng)	8.607.339	9.821.912	10.081.134	103%
- Chi phí Hoạt động tài chính (tr. đồng)	493.485	0	14.029	0%
- Chi phí khác (tr. đồng)	4.108	10.000	4.696	47%
6. Lãi/ Lỗ trước thuế (tr.đồng)	448.744	359.967	1.242.211	345%
- SXKD điện (tr.đồng)	919.498	347.967	1.220.116	351%
- Hoạt động tài chính	-469.491	10.000	19.763	198%
- Khác (tr. đồng)	-903	2.000	2.332	117%
7. Lợi nhuận sau thuế (tr.đồng)	424.885	341.968	1.172.708	343%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành và Cán bộ quản lý Công ty đến ngày 31/12/2019:

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1.	Tạ Công Hoan	Chủ tịch HĐQT	
2.	Nguyễn Thường Quang	Tổng Giám đốc	
3.	Nguyễn Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Từ đầu năm đến ngày 01/10/2019
4.	Dương Sơn Bá	Phó Tổng Giám đốc	
5.	Vũ Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 01/10/2019
6.	Nguyễn Minh Thành	Kế toán trưởng	
7.	Phạm Thị Dung	Phó phòng TCKT	
8.	Trần Hồng Vương	Trưởng phòng HCLĐ	
9.	Nguyễn Huy Đông	Phó phòng HCLĐ	
10.	Trần Thanh Huy	Phó phòng HCLĐ	
11.	Đào Văn Kiên	Phó phòng HCLĐ	
12.	Nguyễn Xuân Đăng	Trưởng phòng KHVT	
13.	Đặng Anh Huy	Phó phòng KHVT	
14.	Nguyễn Kim Thịnh	Phó phòng KHVT	
15.	Đỗ Ngọc Hinh	Trưởng phòng Kỹ thuật	Từ tháng 11/2019
16.	Mạc Văn Bắc	Phó phòng Kỹ thuật	
17.	Cao Xuân Như	Trưởng phòng ATMT	
18.	Cao Bắc Ninh	Phó phòng ATMT	
19.	Trần Xuân Trường	Quản đốc PX. Vận hành 1	
20.	Mai Ngọc Thành	Phó Quản đốc PX. Vận hành 1	
21.	Ngô Hồng Phong	Phó Quản đốc PX. Vận hành 1	
22.	Trần Văn Tiến	Phụ trách Điện - Tự động	Từ tháng 11/2019
23.	Nguyễn Việt Anh	Phó Quản đốc PX. Điện - Tự động	
24.	Trần Quang Trung	Phó Quản đốc PX. Điện - Tự động	
25.	Đỗ Văn Hải	Quản đốc PX. Nhiên liệu	
26.	Nguyễn Quốc Việt	Phó Quản đốc PX. Nhiên liệu	
27.	Hà Mạnh Huy	Phó Quản đốc PX. Nhiên liệu	
28.	Vũ Xuân Tiệp	Quản đốc PX.SCCN	
29.	Trần Đức Văn	Phó Quản đốc PX.SCCN	
30.	Nguyễn Chí Thành	Phó Quản đốc PX. Vận hành 2	

- + Quê quán: Xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.
- + Điện thoại liên lạc: 0963.344.046
- + Số CMND: 142.466.044 Nơi cấp: Công an Hải Dương Ngày cấp 15/8/2005
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- + Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân chính trị.
- + Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh, chứng chỉ B.
- + **Quá trình công tác:**
 - ✓ Từ 01/1981 - 6/1984: Kỹ thuật viên Nhà máy Điện Phả Lại.
 - ✓ Từ 7/1984 - 7/1987: Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Nhà máy Điện Phả Lại.
 - ✓ Từ 7/1987 - 12/1988: Phó Trưởng phòng Hành chính, Nhà máy Điện Phả Lại.
 - ✓ Từ 01/1989 - 11/2000: Trưởng ngành Đời sống - Quản trị, Nhà máy Điện Phả Lại.
 - ✓ Từ 12/2000 - 10/2007: Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư, Nhà máy Điện Phả Lại.
 - ✓ Từ 11/2007 – 20/5/2010: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
 - ✓ Từ 21/5/2010 – 6/2014: thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
 - ✓ Từ 12/7/2012: Được bầu lại giữ chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
 - ✓ Từ 7/2014 – 9/2019: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

4) Ông Dương Sơn Bá:

- + Họ và tên khai sinh: Dương Sơn Bá
- + Sinh ngày: 20/01/1968
- + Chức danh hiện tại : Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- + Quê quán: xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
- + Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không.
- + Trình độ văn hóa: 12/12.
- + Trình độ chuyên môn:
- + Kỹ sư Nhiệt điện, Đại học Bách khoa Hà Nội, hệ chính quy.
- + Cử nhân QTKD, Đại học Bách khoa Hà Nội, tốt nghiệp tháng 6/2012.
- + Trình độ ngoại ngữ: Tiếng A trình độ C.
- + Trình độ lý luận: Trung cấp.
- + Ngày vào Đảng: ngày 19/4/2002, Ngày chính thức: 19/4/2003.
- + **Quá trình công tác:**
 - ✓ Từ tháng 4/1994 – 9/1998: Kỹ sư Nhà máy điện, Công ty phân đạm và hóa chất Hà Bắc.
 - ✓ Từ 10/1998 – 4/2000: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật, Ban QLDA Phả Lại 2.

- Chế độ chính sách đối với người lao động:
 - + Chính sách tiền lương: Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương đối với người lao động có hiệu lực từ 01/01/2016. Công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế về công tác lao động và tiền lương cho người lao động và tổ chức thực hiện, đảm bảo công bằng theo mức độ đóng góp của người lao động, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, đảm bảo hài hòa các lợi ích của Công ty và người lao động.
 - + Tiền lương bình quân người lao động năm 2019 là: 19.6 triệu đồng/người/tháng.
- Quản trị nguồn nhân lực:
 - + Công ty luôn chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực: Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại một số cán bộ lãnh đạo quản lý; khuyến khích áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, bố trí nhân lực làm việc phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn; luôn quan tâm thường xuyên đến công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Chính sách khác:
 - + Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động để người lao động có điều kiện tập trung sản xuất, công tác, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo an toàn và hiệu quả; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao...
- Ngoài các chế độ theo quy định của pháp luật mà người lao động được hưởng, Công ty còn xây dựng ký kết Thỏa ước lao động tập thể trong đó có một số quyền lợi người lao động được hưởng cao hơn so với luật như:
 - + Công ty cho thuê nhà đối với những CBCNV ở xa hoặc chưa có nhà ở.
 - + Thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất trong lao động sản xuất; thưởng cho các cá nhân có nhiều thành tích thông qua việc cho nghỉ công tác để đi tham quan nghỉ mát trong và ngoài nước.
 - + Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. Người lao động được nghỉ sớm 30 phút vào các ngày cuối tuần và ngày nghỉ lễ, Tết.
 - + Thực hiện một số chế độ khác có lợi cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2018, Công ty đầu tư Dự án Nâng cấp hệ thống xử lý khí thải NMNĐ Hải Phòng 1 và 2 theo Quyết định số 2580/QĐ-NĐHP ngày 19/5/2017 Hội đồng quản trị. Tuy nhiên hiện nay đã dừng triển khai dự án và chờ ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty tham gia góp vốn vào Công ty dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc (NPS) với tổng số vốn góp là 0,5 tỷ đồng, tương đương với tỷ lệ góp vốn 1%.

4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018 (tr. Đồng)	Năm 2019 (tr. Đồng)	% tăng giảm
----------	------------------------	------------------------	----------------

* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản	13.769.432	12.663.606	92%
Doanh thu thuần	9.526.837	11.301.250	119%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	449.648	1.239.879	276%
Lợi nhuận khác	-903	2.332	-258%
Lợi nhuận trước thuế	448.745	1.242.211	277%
Lợi nhuận sau thuế	424.885	1.172.708	276%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	7,50%	16%	213%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,12	1,24	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,99	1,04	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,59	0,51	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,42	1,04	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	14,80	20	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,69	0,89	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,045	0,104	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,075	0,189	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,031	0,093	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,047	0,11	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 500.000.000 cổ phần (Năm trăm triệu cổ phần).
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: Căn cứ sổ cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng chốt đến ngày 24/12/2019, cơ cấu cổ đông như sau:

- Theo tỷ lệ sở hữu: Cổ đông (4 nhà đầu tư) sở hữu từ 5% cổ phần trở lên, chiếm 93,18%. Cổ đông (759 nhà đầu tư) sở hữu cổ phần dưới 5% chiếm 6,82%.

- Theo tổ chức: 18 cổ đông là tổ chức và 745 cổ đông cá nhân. Trong đó có 04 cổ đông nước ngoài.
- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: Không.
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.
- e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:
 - Than: 3,75 triệu tấn.
 - Dầu FO: 10.905 tấn.
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: 0%.

6.2 Tiêu thụ năng lượng

- a) Năng lượng điện sử dụng lấy từ hệ thống điện tự dùng của Nhà máy khi tổ máy đang phát điện hoặc mua điện từ lưới trong trường hợp ngừng dự phòng, sửa chữa.
 - o Điện lấy từ hệ thống tự dùng nhà máy: 723,73 triệu kWh.
 - o Điện lấy từ lưới điện: 11,89 triệu kWh.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 59,76 trkWh so với phương án giá điện (thực hiện đề án giảm điện tự dùng do vận hành tối ưu các hệ thống tự dùng trong nhà máy).
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Đề án giảm điện tự dùng trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng giai đoạn 2016÷2020.

6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.
Nguồn cung cấp nước từ hồ Đà Nẵng, lượng nước khoảng 9,07 triệu m³/năm.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.
Lượng nước tái sử dụng (dùng nước thải để thải xỉ) chiếm tỷ lệ 8,7%, khoảng 0,7 triệu m³/năm.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động: 862, mức lương trung bình đối với người lao động: 19.6 triệu đồng/người/tháng..
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- *Chính sách lương*: Công ty đã ban hành Quy chế về công tác lao động và tiền lương đảm bảo phân phối thu nhập công bằng theo mức độ đóng góp của người lao động, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc. Việc chi trả lương được thực hiện theo đúng quy định. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho cán bộ công nhân viên hàng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống cán bộ công nhân viên.
- *Chính sách thưởng*: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng dựa trên nguyên tắc gắn với kết quả và hiệu quả lao động đạt được. Công ty tổ chức bình bầu hàng quý để đánh giá kết quả lao động của nhân viên, việc xét thưởng sẽ thực hiện vào cuối năm căn cứ vào quá trình đạt được thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc. Công ty cũng xét thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí. Cuối năm, toàn thể Cán bộ Công nhân viên của Công ty đều được hưởng lương tháng thứ 13.
- *Phúc lợi*: hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động, tổ chức đi nghỉ mát, du lịch, duy trì thường xuyên phong trào văn hóa, thể dục, thể thao...
- c) Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:
 - + Tổng số giờ đào tạo: 1.928 giờ.
 - + Lượt người được đào tạo: 1476 lượt người.
 - + Số giờ đào tạo trung bình: 1,306 giờ/người.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Năm 2019, Công ty đã chi khoảng 7,5 tỷ cho các hoạt động phúc lợi và từ thiện xã hội.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2019 trong SXKD đã gặp phải sự thiếu hụt về nguồn cung cấp than trong các tháng đầu năm trong khi hệ thống huy động cao các Nhà máy nhiệt điện.

Mặc dù vậy, Công ty đã vận hành ổn định hai nhà máy, theo đó sản lượng điện sản xuất hai nhà máy đạt 8.102,40 tỷ kWh, đạt 104% kế hoạch giao. Doanh thu đạt 105% kế hoạch; lợi nhuận sản xuất điện chưa phân bổ chênh lệch tỷ giá là 919 tỷ đồng. Công tác sửa chữa lớn đã hoàn thành đại tu tổ máy số 1. Công tác an toàn môi trường, PCTT-TKCN đã được cải thiện và đảm bảo.

Về đầu tư xây dựng: Dự án NMNĐ Hải Phòng 2 đã được EVN thông qua giá trị quyết toán, Công ty đang thực hiện các thủ tục phê duyệt hiệu chỉnh TMĐT để hoàn thiện thủ tục phê duyệt quyết toán.

Dự án Nâng cấp hệ thống xử lý khí thải NMNĐ Hải Phòng 1&2: Đã dừng triển khai và đợi ý kiến của cấp có thẩm quyền.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được
 - + Công ty đã sắp xếp mô hình tổ chức và bố trí lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh, bộ máy gọn nhẹ và năng động, nhiệm vụ chủ yếu hiện nay là sản xuất kinh doanh sau khi cơ bản hoàn thành công tác đầu tư xây dựng.
 - + Tăng cường chú trọng hoàn thiện các Quy chế, Quy định trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản lý của Công ty, công tác quản lý của Công ty ngày càng đi vào nền nếp và có hiệu quả cao.
 - + Ý thức chấp hành kỷ luật lao động của người lao động được nâng cao, ngày càng có trách nhiệm với công việc và gắn bó với công ty.
 - + Tăng cường công tác tự kiểm soát và kiểm tra nội bộ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng...
 - + Duy trì việc chấp hành các chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản dài hạn, trong đó có máy móc và thiết bị. Các tài sản đều tham gia vào hoạt động sản xuất của Công ty. Tổng tài sản của Công ty giảm so với đầu năm là 1.106 tỷ đồng, trong đó:
 - + Nguyên nhân tăng/giảm của các chỉ tiêu tăng/giảm từ 10% trở lên và các trường hợp đặc biệt khác (trong đó tăng do đầu tư, mua sắm...): tài sản dài hạn giảm 1.739 tỷ đồng, trong đó, giá trị còn lại của tài sản cố định giảm 1.768 tỷ đồng do khấu hao trong năm. Tài sản ngắn hạn tăng 634 tỷ đồng, trong đó, tiền và tương đương tiền tăng 86 tỷ đồng, các khoản phải thu tăng 310,9 tỷ đồng.
 - + Tỷ trọng tài sản ngắn hạn, dài hạn/Tổng tài sản, nhận xét, đánh giá mức độ hợp lý của việc phân bổ và xu hướng biến động: Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/ Tổng TS là 28,9%, Tài sản dài hạn là 71,1%. Xu hướng, tỷ trọng tài sản ngắn hạn/ Tổng TS ngày càng tăng lên do giá trị TS dài hạn ngày càng giảm xuống do khấu hao.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện của Công ty, điện năng bán trực tiếp cho Công ty Mua bán điện trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Việc thu hồi công nợ tiền điện tuân thủ quy định của hợp đồng mua bán điện.

b) Tình hình nợ phải trả

- Công nợ phải trả của công ty bao gồm: phải trả nhà cung cấp nguyên liệu, vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh, phải trả gốc vay ngắn và dài hạn, phải trả người lao động, chi phí phải trả về lãi vay và các khoản phải trả khác.
- Các khoản phải trả vốn vay của Công ty chủ yếu là các khoản vay USD và JPY, Công ty vay lại Tập đoàn điện lực Việt Nam khoản vay USD Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc (China Eximbank) và khoản vay JPY Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản (Jbic) nên Công ty sẽ phải chịu rủi ro của biến động tỷ giá hối đoái.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2019, Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý, chú trọng công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì vận hành an toàn - kinh tế các tổ máy phát điện, đảm bảo sản xuất phải bù đắp các chi phí; cố tức dự kiến 16%.
- Nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị trên cơ sở thực hiện tốt các chương trình sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu, đại tu các tổ máy đúng hạn.
- Xây dựng đầy đủ các định mức tiêu hao, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.
- Bồi huấn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý, vận hành và sửa chữa.
- Phát triển bền vững thân thiện môi trường, tuân thủ các qui định của pháp luật về môi trường.
- Nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần CBCNV.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Công ty thực hiện phân bổ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm 2015 và Chênh lệch tỷ giá trong thời gian xây dựng lũy kế đến 31/12/2014 vào báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 trên cơ sở văn bản số 7806/BTC-TCĐN ngày 09/06/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn EVN xử lý chênh lệch tỷ giá. Trong đó, Bộ Tài chính hướng dẫn: "Đối với số lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2015, doanh nghiệp được phép phân bổ không quá 5 năm (2015 -2019).

Đối với khoản chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư xây dựng: Công ty phân bổ không quá 5 năm từ khi đi vào hoạt động (đến hết 2018)".

Công ty đã phân bổ hết chênh lệch tỷ giá trong năm 2018, do đó năm 2019 không phát sinh chi phí chênh lệch tỷ giá phân bổ.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Sau khi đã xem xét toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, HĐQT thống nhất đánh giá thực trạng công tác quản lý điều hành năm 2019 như sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 ổn định, hiệu quả. Các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, chi phí, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản đạt yêu cầu, đóng góp cao vào ngân sách địa phương, có lãi và chia cổ tức đầy đủ cho các cổ đông.
- Các mặt quản lý được nâng cao, có chất lượng, công tác an ninh được giữ vững; góp phần vào đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia.
- Công tác an toàn, vệ sinh lao động, BVMT, PCCC, PCTT-TKCN đã được quan tâm, đáp ứng yêu cầu trong sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.
- Đời sống văn hoá, tinh thần của CBCNV được quan tâm và nâng cao; Tích cực tham gia phúc lợi xã hội được địa phương đánh giá cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Ban Tổng Giám đốc đã có những chỉ đạo, điều hành bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh được cổ đông giao, bám sát chỉ đạo của HĐQT.
- Ban Tổng Giám đốc báo cáo kịp thời HĐQT để đưa ra các điều chỉnh về chiến lược sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn.
- Ban Tổng Giám đốc đã phân công phụ trách cụ thể cho từng thành viên. Từng thành viên chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc lĩnh vực được phân công.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị bám sát và chỉ đạo để Ban điều hành đảm bảo thực hiện một số vấn đề trọng tâm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, hiệu quả. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật đạt và tốt hơn định mức kế hoạch được giao; đảm bảo SX phải an toàn; giữ gìn vệ sinh – môi trường.
- Tiết kiệm chi phí giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường; đảm bảo mục tiêu sản xuất có lãi.
- Sử dụng nguồn tài chính hợp lý và hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn bền vững.
- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng các qui chế, qui định, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phục vụ công tác quản lý.
- Nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.
- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần người lao động; Tham gia đầy đủ công tác an sinh xã hội.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- Ông Tạ Công Hoan – Chủ tịch HĐQT .
- Ông Nguyễn Thường Quang – Thành viên HĐQT.
- Ông Nguyễn Trâm – Thành viên HĐQT.
- Ông Nguyễn Văn Quyên – Thành viên HĐQT.
- Ông Nguyễn Minh Thành – Thành viên HĐQT.
- Ông Nguyễn Đức Luyện – Thành viên HĐQT.
- Ông Lê Ngọc Nam – Thành viên HĐQT.

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1	Ông Tạ Công Hoan	10.000	
2	Ông Nguyễn Thường Quang	60.000	
4	Ông Nguyễn Minh Thành	0	
5	Ông Nguyễn Trâm	0	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện A Vương
6	Ông Nguyễn Đức Luyện	0	Phó Ban TCKT – Tổng Công

STT	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
			ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
7	Ông Lê Ngọc Nam	0	Trưởng Ban Kế hoạch – Tổng Công ty điện lực Vinacomin
8	Ông Nguyễn Văn Quyên	24.774	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:

Ông Nguyễn Trâm – Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện A Vương.

- Ông Nguyễn Văn Quyên – Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
- Ông Nguyễn Đức Luyện – Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.

b) Các ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không thành lập các ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ, bất thường và nhiều lần lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết các vấn đề sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty kịp thời, hiệu quả. Cụ thể đã tổ chức họp 06 phiên, lấy ý kiến bằng văn bản 136 lần và ra 161 Nghị quyết.

Việc giám sát của HĐQT với Ban Tổng Giám đốc cũng được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Công ty gửi các thành viên HĐQT định kỳ theo tháng, quý, năm.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hội đồng quản trị có 04 thành viên độc lập không điều hành, trong đó có 03 thành viên hiện đang hoạt động tại các đơn vị đầu tư, sản xuất kinh doanh điện là các ông Nguyễn Trâm (Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương), ông Nguyễn Văn Quyên (Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại), ông Lê Ngọc Nam (Tổng Công ty điện lực Vinacomin); Thành viên còn lại là ông Nguyễn Đức Luyện (Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước) là thành viên có kiến thức trong lĩnh vực đầu tư tài chính. Tuy hoạt động kiêm nhiệm nhưng những thành viên HĐQT với những kiến thức, kinh nghiệm trong quản lý điều hành đã có nhiều đóng góp, chỉ đạo hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Các thành viên HĐQT Công ty đã tham gia các khóa học về Quản trị Doanh nghiệp.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1	Ông Phạm Quốc Toàn – Trưởng Ban	20.000	
2	Bà Huỳnh Thị Phượng Khanh – Thành viên	0	Phó Ban TCKT, Tổng Công ty phát điện 2
3	Bà Lê Thị Thủy – Thành viên	0	Phó Ban Tài chính, Tổng Công ty Điện lực Vinacomin

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều 38 – Điều Lệ Công ty:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong quản lý, điều hành Công ty, thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, trung thực, mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2019 của Ban lãnh đạo Công ty, việc tuân thủ Điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty.
- Thẩm định Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty năm 2019.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao của thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD của Công ty năm 2019:

TT	Nội dung	Số người	Số tháng	Mức tiền lương thù lao đồng/người/tháng	Mức tiền lương thù lao đồng/người/năm	Tổng số
	Tổng tiền lương Thù lao HĐQT, BKS					2.076.589.000
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	08	52.875.000	634.500.000	634.500.000
2	Tổng giám đốc	1	12	51.091.250	613.095.000	613.095.000
3	Thành viên HĐQT không chuyên trách	6	12	6.000.000	72.000.000	426.000.000

TT	Nội dung	Số người	Số tháng	Mức tiền lương thù lao đồng/người/tháng	Mức tiền lương thù lao đồng/người/năm	Tổng số
4	Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	1	12	45.298.833	543.586.000	522.353.000
5	Thành viên ban kiểm soát không chuyên trách	2	12	5.000.000	60.000.000	120.000.000

- b) Giao dịch cổ phiếu cổ đông nội bộ: Không.
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không.
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: do Thư ký Công ty cung cấp. Công tác quản trị của Công ty đã thực hiện theo các qui định của pháp luật, của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán và Báo cáo tài chính được kiểm toán: Xem phụ lục ý kiến kèm theo.
2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán: Xem phụ lục báo cáo kèm theo./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBCKNN (hard - copy);
- <http://www.ndhp.com.vn>;
- Lưu: VT, KHVT, HCLĐ, TCKT.

Nguyễn Thường Quang